

Bản án số: 392/2025/DS-PT

Ngày: 16/9/2025

V/v tranh chấp tiền vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tân

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp tiền vay.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 336/2025/QĐXXPT-DS ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1982.

Số CCCD: 096182004697, cấp ngày: 10/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH Bộ C1.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Hoàng Trung H, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Số CCCD: 096091012844, cấp ngày: 21/12/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH Bộ C1.

Địa chỉ: Khóm G, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là khóm G, xã C, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn, gồm:

1. Ông Trần Văn T (tên gọi khác là Trần Trung T1), sinh năm 1977 (có mặt).

Số CCCD: 096077010939, cấp ngày: 10/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH Bộ C1.

2. Bà Thạch Thị H1 (vợ ông T1), sinh năm 1982 (vắng mặt)

Số CCCD: 084182008283 cấp ngày: 10/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH Bộ C1.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã , tỉnh Cà Mau)

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị H1 và ông Trần Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà M có cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Thạch Thị H1 mượn tổng số tiền 514.600.000 đồng. Tháng 11/2022 âm lịch bà H1 có nhờ bà M tham gia giùm 01 phần hui trong dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng do bà L (vợ Hai T2) làm chủ hui. Đến ngày 15/12/2022 âm lịch, bà H1 có nhờ bà M hốt phần hui trên được 53.400.000 đồng. Bà H1 dùng số tiền này trả cho bà M. Sau khi khấu trừ, ông T, bà H1 còn nợ bà M 461.000.000 đồng. Việc nợ hai bên có làm biên nhận thể hiện trong danh sách hui ngày 15/11/2022 âm lịch. Bà M đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà H1, ông T không trả. Nay bà M yêu cầu ông T và bà H1 hoàn trả cho bà M số tiền 461.200.000 đồng.

** Trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà H1) trình bày:*

Vào ngày 15/11/2021 âm lịch bà H1 có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất nhưng không nhớ bao nhiêu. Sau đó, do không có điều kiện trả nên hai bên thỏa thuận bà H1 trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi. Bà H1 trả được 05 lần, riêng lần cuối cùng trả 1.500.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 9.500.000 đồng nên chỉ còn nợ 500.000 đồng. Số tiền bà H1 trả cho bà M bằng việc nhờ người khác chuyển khoản cho bà M. Số tiền này bà H1 tự mượn, ông T không biết nên không có liên quan đến ông T.

Đối với số tiền bà M yêu cầu, bà H1 xác định không có nợ và cũng không có ký tên vào biên nhận vì bà H1 không biết chữ, không có việc bà H1 nhờ bà M chơi hui dùm, không biết chủ hui là ai nên bà H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M1, buộc bà Thạch Thị H1 và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M1 số tiền 460.700.000 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn xác định nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/6/2025, bà H1 và ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bà H1 đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:
 - + Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.
 - + Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H1, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Thạch Thị H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do được coi như từ bỏ việc kháng cáo. Theo đó, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà H1.

[2] Bà Huỳnh Thị M xác định vợ chồng bà Thạch Thị H1 vay của bà M nhiều lần. Đến khi chót nợ, số tiền vợ chồng bà H1 còn nợ bà M là 514.600.000 đồng. Sau đó bà H1 có nhờ bà M tham gia hội giùm, hốt chân hội và có trả cho bà M được 53.400.000 đồng, bà H1 có gửi trả thêm 500.000 đồng, còn lại 460.700.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, phía bà M cung cấp đoạn ghi âm, trong đó có đoạn thể hiện nội dung hai bên thống nhất nợ với nhau như sau:

“... ”

Giọng nữ (nguyên đơn xác định bà M) nói: *Thì cũng như bây giờ chị nợ em đó là bốn trăm sáu mươi một triệu hai trăm ngàn, bữa nay ngày 20 tháng 6 nè chị gửi cho em chị góp cho em được năm trăm ngàn, rồi bây giờ chị còn nợ lại em là bốn trăm sáu mươi triệu bảy trăm ngàn.*

Giọng nữ (nguyên đơn xác định bà H1) nói: *Rồi viết tin nhắn gửi dô máy cũng được nữa.*

“... ”

Giọng nữ (nguyên đơn xác định bà M) nói: *Như vậy gửi em cái phần này là góp em tháng 6 phần ngày 20 tháng 6 nè, để vậy cho nó chắc dễ nhớ á, chị gửi em năm trăm ngàn thì cũng như chị còn nợ lại em là bốn trăm sáu mươi triệu bảy trăm ngàn.*

Giọng nữ (nguyên đơn xác định bà H1) nói: *Ừ.*

Giọng nữ (nguyên đơn xác định bà M) nói: *Rồi, đúng chưa.*

Giọng nữ (nguyên đơn xác định bà H1) nói: *Ừ, ừ, ừ, ừ.”*

[3] Việc bà M cung cấp đoạn ghi âm và xác định giọng nói của người nữ chót nợ với bà M số tiền 460.700.000 đồng là của bà H1. Còn bà H1 xác định chỉ có vay của bà M 10.000.000 đồng, đã trả 9.500.000 đồng, còn nợ lại 500.000 đồng

nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về số tiền đã trả. Do đó, nội dung đoạn ghi âm xác định việc bà H1 thừa nhận còn nợ bà M 460.700.000 đồng là có cơ sở.

[4] Đối với chồng bà H1 là ông Trần Văn T, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà M. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T kháng cáo cho rằng ông không liên quan đến khoản nợ nói trên giữa bà M và bà H1. Ông T cho rằng có nghe bà H1 nói lại số tiền bà M kiện nói trên là khoản tiền số đề bà H1 nợ bà M. Nhưng ông T cũng như bà H1 không có gì chứng minh khoản nợ bà M kiện đòi liên quan đến đánh bạc. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, trình bày của ông T là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, ông T xác định tình trạng hôn nhân giữa ông và bà H1 vẫn đang tồn tại. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông T có trong thời kỳ hôn nhân là phù hợp. Từ đó buộc ông T và bà H1 cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà M là có cơ sở.

[5] Với các chứng cứ được nêu trên cho thấy cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà M là có căn cứ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông T.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Phần bà H1 nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm được sung vào công quỹ Nhà nước.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Thạch Thị H1;
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng . Buộc bà Thạch Thị H1 và ông Trần Văn T (tên gọi khác là Trần Trung T1) cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà M số tiền 460.700.000 (bốn trăm sáu mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bà H1 nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền số 0004239 cùng ngày 16/6/2025 do Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau) phát hành được sung vào công quỹ Nhà nước. Ông T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền này được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do ông T1 nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004238 ngày 16/6/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau) phát hành.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 3 - CM;
- Phòng THA dân sự khu vực 3 - CM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế